TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST Ngày 22 - 5 - 2019 (V/v không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị S và anh T)	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đán Văn Đ**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: **Phùng Ngọc T**

2. Bà: **Vương Thị L**

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà **Hoàng Thị Đ** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: ông **Nguyễn Hòng Q** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2019/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2019 về việc: " không công nhận quan hệ vợ chồng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 754/2019/QĐXXST - HNGĐ, ngày 07 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Lưu Thị S** - Sinh năm: 1981; Dân tộc: Hoa; Nghề nghiệp: lao động tự do; Địa chỉ: thôn B, xã C, huyện A, tỉnh Hà Giang (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh **Lý Sùi T** - Sinh năm 1982; Dân tộc: Hoa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Địa chỉ: thôn B, xã C, huyện A, tỉnh Hà Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 4 năm 2019, cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Lưu Thị S trình bày : chị và anh Lý Sùi T, sống chung với nhau từ ngày 08-01-2001 cho đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống có nhiều mâu thuẫn vợ chồng đã ly thân từ tháng 7/2017, trong thời gian sống ly thân không quan tâm nhau, đến nay mâu thuẫn vợ chông là trầm trọng không có khả năng khắc phục được có khắc phục cũng không có hạnh phúc nên chị đề nghị được ly hôn anh T để giải phóng khỏi sự ràng buộc lẫn nhau.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng chị có hai con chung là cháu Lý Thị P sinh ngày 06-3-2002 và cháu Lý Văn K sinh ngày 26-9-2003. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục 02 cháu cho đến

khi các cháu đủ 18 tuổi, chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa chị S giữ nguyên quan điểm theo đơn xin ly hôn của chị.

Tại bản tự khai ngày 26-4-2019 và trong quá trình xét xử anh Lý Sùi T trình bày: Anh và chị Lưu Thị S chung sống với nhau từ năm 2001, không đăng ký kết hôn trong quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn vợ chồng phát sinh nhưng chưa đến mức trầm trọng, vợ chồng đã cố khắc phục để chăm lo nuôi dậy con cái nhưng đến nay chị S xin được ly hôn anh cũng nhất trí ly hôn để giải phóng khỏi sự rằng buộc.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng chị có hai con chung như chị S khai là đúng sau khi ly hôn anh nhất trí giao 02 cháu cho chị S nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 3.000.000đ.

Về tài sản và công nợ chung: anh và chị S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa anh T giữ nguyên quan điểm đã nêu trên và theo nguyện vọng của chị S.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Hà Giang phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và hội đồng xét xử: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án xác định quan hệ pháp luật, thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý những người tham gia tố tụng, thông báo thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định tại các điều 28, 35, 69, 196 và 198 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quyết định đưa vụ án ra xét xử và việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát để nghiên cứu, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định tại Điều 63 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 239 của Bộ luật tố tụng dân sự

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng;

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: chị S và anh T sống với nhau tự nguyên không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận chị Lưu Thị S và anh Lý Sùi T là vợ chồng.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu Lý Thị P sinh ngày 06-3-2002 và cháu Lý Văn K sinh ngày 26-9-2003 cho chị Lưu Thị S, Địa chỉ: thôn B, xã C, huyện A, tỉnh Hà Giang được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18

tuổi, ghi nhận sự tự nguyên anh Lý Sùi T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 3.000.000đ và anh T có quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản, công nợ chung: Vợ chồng chị S, anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Buộc chị Lưu Thị S và anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Đơn khởi kiện của chị Lưu Thị S về việc xin ly hôn với anh Lý Sùi T được Tòa án nhân dân huyện A thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tiến hành hòa giải về phần nuôi con chung, án phí; ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự, thủ tục luật định.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Thị S và anh anh Lý Sùi T chung sống với nhau từ năm 2001 đến nay nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Việc chung sống giữa anh chị trên cơ sở tự nguyện, trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng có sự hoà thuận hạnh phúc nên đã có con chung, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ nhiều năm nay nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có sự hoà hợp mỗi người có một tính cách riêng, nên thường xuyên xảy ra, cãi chửi nhau phát sinh trầm trọng từ năm tháng 7- 2017 và sống ly thân cho đến nay, mâu thuẫn trầm trọng, không còn khả năng khắc phục được có khắc phục cũng không có hạnh phúc nên vợ chồng nhất trí ly hôn để giải phóng khỏi sự ràng buộc lẫn nhau.

Tòa án xét thấy quan hệ hôn nhân giữa Chị Lưu Thị S và anh Lý Sùi T không tuân thủ theo quy định của pháp luật hôn nhân, không đăng ký kết hôn mặc dù anh, chị có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuyên bố không công nhận Chị Lưu Thị S và anh Lý Sùi T là vợ chồng.

[3]. Về con chung*:* Quá trình chung sống, vợ chồng có hai con chung cháu.

1/ Cháu Lý Thị P sinh ngày 06-3-2002

2 Cháu Lý Văn K sinh ngày 26-9-2003, hiện nay 02 cháu sống chung với chị S tại thôn B, xã C, huyện A, tỉnh Hà Giang. Sau khi ly hôn chị S và anh T đã thỏa thuận giao 02 cháu cho chị S được nuôi dưỡng và giáo dục các cháu đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Tòa án nhận thấy, việc thỏa thuận giao nuôi con chung của chị S và anh T là tự nguyện không bị ép buộc phù hợp điều kiện kinh tế và nơi ăn ở học hành

của các cháu nên cần ghi nhận sự thỏa thuận giao nuôi con chung của chị S và anh T.

Về khoản cấp dưỡng nuôi con chung, chị S không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Tuy nhiên anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho chị S mỗi tháng là 3.000.000đ và có quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Xét thấy sự tự nguyện của anh T trong việc cấp dưỡng nuôi con chung là không bị ép buộc phù hợp quy định của pháp luật cần ghi nhận.

[4] Về Tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Lưu Thị S thỏa thuận chịu tòan bộ án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; theo điểm a khoản 1 Điều24; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Lý Sùi T phải chịu án 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Điểm a, b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng**:** Khoản 1 Điều 14 và Điều 53; Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 điều 227; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Điểm a khoản 1 Điều 24, Điểm a khoản 5 và Điểm a, b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa Chị Lưu Thị S và anh Lý Sùi T là vợ chồng.

2. Về con chung:

2.1.Về con chung: Giao 02 cháu Lý Thị P sinh ngày 06-3-2002 và cháu Lý Văn K sinh ngày 26-9-2003 cho chị Lưu Thị S địa chỉ: thôn B, xã C, huyện A, tỉnh Hà Giang. được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. .

2.2. Về khoản cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyên cấp dưỡng nuôi con chung của anh Lý Sùi T cho chị S là người trực tiếp nuôi các cháu mỗi tháng là 3.000.000đ kể từ ngày 1- 6- 2019 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh T có các nghĩa vụ, quyền theo quy định tại các điều 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Lưu Thị S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Hà Giang là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 02310 ngày 16 tháng 4 năm 2019. (Chị S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.)

Anh Lý Sùi T phải chịu án 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

4. Quyền kháng cáo: Chị Lưu Thị S và anh Lý Sùi T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án;

5. Điều kiện thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện A;*
- *TAND tỉnh;*
- *Chi cục THADS huyện A;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, vp.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Đán Văn Đ